TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST
Ngày 17-01-2020
V/v ly hôn, con C giữa
anh T và chị H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Hòe.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Phượng;

Ông Nguyễn ngọc Chinh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Xuyến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 17 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 312/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn, con C" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975; địa chỉ: Xóm 3, xã Hải Lý, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1976; địa chỉ: Xóm 3, xã Hải Lý, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(anh T vắng mặt có lý do; chị H vắng mặt hai lần không có lý do)

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 15-10-2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Vũ Thị H đăng ký kết hôn ngày 04-7-1997 tại Ủy ban nhân dân xã Hải Lý, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng C sống tại xóm 3, xã Hải Lý. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế khó khăn, vợ chồng không thống nhất trong công việc, cuộc sống nên thường xảy ra xô sát, cãi chửi nhau. Từ đó, anh T chán nản và đã có quan hệ tình cảm với người khác nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Anh T đã chủ động sống ly thân với chị H từ năm 2015 đến nay. Nay anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Về con C: Vợ chồng có hai con C là Nguyễn Thành C, sinh ngày 30-7- 1998 và Nguyễn Thị D, sinh ngày 28-01-2001. Hiện nay, hai con đang ở cùng H nhưng đều đã thành niên, lao động tự lập nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. .

Về tài sản: anh T kê khai vợ chồng có một nhà hai tầng xây dựng trên đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hai vợ chồng và các đồ dùng sinh hoạt trong gia đình. Tuy nhiên, do nhà đất và đồ dùng sinh hoạt hiện chị H và hai con C đang sử dụng nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T đã có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên các ý kiến như đã trình bày.

Tại đơn đề nghị ghi ngày 22-11-2019, bị đơn chị Vũ Thị H có lời khai phù hợp với lời khai của anh T về thời gian kết hôn, quá trình C sống, mâu thuẫn vợ chồng. Là người theo đạo thiên chúa giáo, việc ly hôn là trái đạo nhưng vì anh T đã C sống với người phụ nữ khác, không quan tâm đến cuộc sống của chị H và các con nên tình cảm của chị đối với anh T cũng không còn. Vì vậy, chị H chấp nhận việc anh T xin ly hôn.

Về con C: Chị H công nhận vợ chồng có hai con C như anh T đã trình bày. Hiện nay hai con đã thành niên, đã đi làm công nhân nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị H kê khai: vợ chồng có khối tài sản là nhà đất như anh T trình bày. Tuy nhiên, quá trình xây nhà và nuôi con cái ăn học, vợ chồng còn vay nợ tổng số tiền 787.100.000đ. Khi ly hôn, chị H đề nghị Tòa án: chia ba khối tài sản C, chia đôi công nợ, giao nhà đất cho mẹ con chị H ở.

Nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, chị H đã gửi đơn đề nghị trình bày ý kiến trong đó thể hiện yêu cầu phân chia tài sản nhưng sau đó không đến Tòa án làm việc theo giấy báo. Toà án đã tống đạt hợp lệ cho chị H nhận các văn bản tố tụng sau: Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Như vậy, chị H đã biết hoặc có nghĩa vụ phải biết quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, không nộp tạm ứng án phí chia tài sản theo thông báo của Tòa án. Do đó, Tòa án không chấp nhận yêu cầu chia tài sản của chị H và giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Vũ Thị H được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng tại phiên tòa vẫn vắng mặt hai lần không có lý do; anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H, anh T là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn T và chị Vũ Thị H là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Uỷ ban nhân dân xã Hải Lý, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 04-7-1997. Quá trình giải quyết vụ án, anh T, chị H đều xác định, trong thời gian vợ chồng C sống, anh T đã có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh T ngoại tình và việc anh T, chị H đã ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm từ năm 2015 đến nay là sự việc có thật. Trong thời gian sống ly thân, bản thân anh T, chị H đều không có biện pháp, hành động thiết thực nhằm hàn gắn tình cảm nên vợ chồng ngày càng xa cách. Nay anh T, chị H đều xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên không thể tiếp tục cùng C sống.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T, chị H đã trầm trọng, cuộc sống C không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con C:* Anh T, chị H có hai con C Nguyễn Thành C, sinh ngày 30-7-1998 và Nguyễn Thị D, sinh ngày 28-01-2001. Hiện nay, mặc dù chưa xây dựng gia đình và đang ở cùng chị H nhưng cả hai con C đều đã thành niên, lao động tự lập. Khi ly hôn, anh T, chị H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về con C nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] *Về tài sản*: Quá trình giải quyết vụ án, anh T không yêu cầu giải quyết về tài sản; chị H đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản C vợ chồng nhưng không nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản theo Thông báo của Tòa án nên yêu cầu chia tài sản C của chị H không được Tòa án chấp nhận. Do đó, về tài sản, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Anh Nguyễn Văn T phải nộp tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Vũ Thị H.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0001884 ngày 05-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Anh Nguyễn Văn T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Hải Lý;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Hòe